3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán riêng tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn của hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản vô hình

Tài sản vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định thuê tài chính và hao mòn tài sản vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc và thiết bị	3 – 7 năm
Phương tiện vận tải	6 – 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 7 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán riêng sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản vào ngày chuyển đổi.

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.11 Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

3.12 Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

3.13 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành lần lượt vào ngày 7 tháng 12 năm 2009 và ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.14 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty trước ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Phần tăng lên trong khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.16 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.17 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

- *Quỹ dự phòng tài chính*

  Quỹ này được trích lập để bảo vệ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh, hoặc để dự phòng cho các khoản lỗ hay thiệt hại ngoài dự kiến do các tác nhân khách quan hoặc do các trường hợp bất khả kháng như hỏa hoạn, bất ổn trong tình hình kinh tế và tài chính trong nước hay nước ngoài.

- *Quỹ đầu tư và phát triển*

  Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

- *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

  Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.19 *Thuế*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 *Thuế* (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.20 *Công cụ tài chính*

Công cụ tài chính – ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành vào ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và các khoản phải thu hay tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, hoặc các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá, trừ với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, vay

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 *Công cụ tài chính* (tiếp theo)

Công cụ tài chính – giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

4. TIỀN

VNĐ

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tiền mặt	18.989.454.987	10.547.623.343
Tiền gửi ngân hàng	267.627.555.824	197.568.080.409
TỔNG CỘNG	**286.617.010.811**	**208.115.703.752**

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

VNĐ

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Phải thu khách hàng dùng thẻ taxi	49.642.971.550	41.374.866.796
Phải thu tài xế taxi về tiền thu khách vãng lai	12.714.729.600	10.533.091.994
Khác	584.020.566	845.397.589
TỔNG CỘNG	**62.941.721.716**	**52.753.356.379**
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(991.691.860)	(875.887.031)
GIÁ TRỊ THUẦN	**61.950.029.856**	**51.877.469.348**

Tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

VNĐ

	Năm nay	*Năm trước*
Số đầu năm	875.887.031	652.628.443
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	169.238.131	248.179.557
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(53.433.302)	(24.920.969)
Số cuối năm	991.691.860	875.887.031

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

VNĐ

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Thuế thu nhập cá nhân phải thu	3.676.027.396	7.546.661.654
tài xế và nhân viên	1.709.096.322	2.115.988.577
Phải thu vé máy bay		
Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế phải thu tài xế và nhân viên	885.168.434	850.675.542
Khác	7.809.906.089	4.635.288.026
TỔNG CỘNG	**14.080.198.241**	**15.148.613.799**
Trong đó:		
Phải thu khác	*7.939.456.509*	*12.108.856.274*
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 28)	*6.140.741.732*	*3.039.757.525*

7. HÀNG TỒN KHO

VNĐ

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Công cụ, dụng cụ	4.808.138.654	4.686.398.033

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

VNĐ

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Bảo hiểm vật chất xe	9.714.621.273	9.615.772.437
Phí bảo trì đường bộ	3.363.200.000	153.166.667
Đồng phục nhân viên	2.770.585.398	-
Công cụ, dụng cụ đang dùng	639.244.215	406.579.724
Khác	6.416.026.933	7.500.645.403
TỔNG CỘNG	**22.903.677.819**	**17.676.164.231**

9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

VNĐ

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tạm ứng cho nhân viên	9.242.906.692	8.916.198.960
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.451.497.800	1.269.723.558
TỔNG CỘNG	**10.694.404.492**	**10.185.922.518**

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VNĐ

	Máy móc và thiết bị	*Phương tiện vận tải*	*Thiết bị văn phòng*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:				
Số đầu năm	599.826.164	2.474.032.239.048	579.969.469	2.475.212.034.681
Mua mới	-	662.852.628.385	282.316.800	663.134.945.185
Chuyển từ TSCĐ thuê tài chính	-	629.167.636	-	629.167.636
Thanh lý	-	(175.911.100.052)	-	(175.911.100.052)
Số cuối năm	599.826.164	2.961.602.935.017	862.286.269	2.963.065.047.450
Trong đó:				
Đã khấu hao hết	*502.326.164*	*6.182.958.991*	*1.441.159.969*	*8.126.445.124*
Giá trị khấu hao lũy kế:				
Số đầu năm	550.223.745	1.069.404.701.530	469.934.163	1.070.424.859.438
Khấu hao trong năm	39.800.008	344.397.052.298	72.606.087	344.509.458.393
Chuyển từ TSCĐ thuê tài chính	-	180.758.847	-	180.758.847
Thanh lý	-	(150.663.030.844)	-	(150.663.030.844)
Số cuối năm	590.023.753	1.263.319.481.831	542.540.250	1.264.452.045.834
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	49.602.419	1.404.627.537.518	110.035.306	1.404.787.175.243
Số cuối năm	9.802.411	1.698.283.453.186	319.746.019	1.698.613.001.616
Trong đó:				
Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 20)	-	*1.033.364.716.475*	-	*1.033.364.716.475*
Tài sản sử dụng để bảo lãnh thanh toán	-	*54.933.524.814*	-	*54.933.524.814*

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	VNĐ *Phương tiện vận tải*
Nguyên giá:	
Số đầu năm	115.295.165.613
Thuê mới	108.094.545.406
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(629.167.636)
Số cuối năm	222.760.543.383
Giá trị khấu hao lũy kế:	
Số đầu năm	25.117.145.777
Khấu hao trong năm	27.605.872.872
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(180.758.847)
Số cuối năm	52.542.259.802
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	90.178.019.836
Số cuối năm	170.218.283.581

12. TÀI SẢN VÔ HÌNH

	VNĐ *Phần mềm máy tính*
Nguyên giá:	
Số đầu năm	1.168.289.000
Mua mới	50.000.000
Số cuối năm	1.218.289.000
Trong đó:	
Đã hao mòn hết	*125.657.000*
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Số đầu năm	769.022.757
Hao mòn trong năm	355.877.322
Số cuối năm	1.124.900.079
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	399.266.243
Số cuối năm	93.388.921

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất của lô đất tại Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh và được nắm giữ nhằm mục đích chờ tăng giá. Quyền sử dụng đất này không bị hao mòn do có thời gian sử dụng vô thời hạn.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2014. Tuy nhiên, dựa vào điều kiện thị trường và vị trí của lô đất này, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

VNĐ

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Đầu tư vào công ty con (*)	36.000.000.000	36.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác	-	1.500.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	(1.500.000.000)
GIÁ TRỊ THUẦN	**36.000.000.000**	**36.000.000.000**

(*) Chi tiết đầu tư vào công ty con như sau:

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Giá trị đầu tư VNĐ	*% sở hữu*	*Giá trị đầu tư VNĐ*	*% sở hữu*
Công ty Cổ phần Ánh Dương Xanh Việt Nam	36.000.000.000	90%	36.000.000.000	90%

Công ty Cổ phần Ánh Dương Xanh Việt Nam ("ADX") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0401378832 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp vào ngày 10 tháng 9 năm 2010, và các GCNĐKKD điều chỉnh. Hoạt động chính trong năm hiện hành của ADX là kinh doanh dịch vụ vận tải hành khách bằng xe taxi.

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

VNĐ

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tiền thuê văn phòng trả trước	56.389.417.888	-
Công cụ, dụng cụ đang dùng	1.512.079.807	1.346.327.897
Chi phí nâng cấp, cải tạo văn phòng	678.781.716	4.087.627.649
Phí bảo trì đường bộ	33.690.600	2.632.441.400
Khác	1.744.999.961	340.943.441
TỔNG CỘNG	**60.358.969.972**	**8.407.340.387**

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

VNĐ

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Trả trước để mua phương tiện vận tải	5.200.000.000	1.000.000.000
Trả trước để mua đất	-	5.000.000.000
Khác	413.859.403	478.775.236
TỔNG CỘNG	**5.613.859.403**	**6.478.775.236**

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

VNĐ

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Thuế thu nhập doanh nghiệp *(Thuyết minh số 27.2)*	26.735.507.007	19.907.565.675
Thuế giá trị gia tăng	16.740.481.658	16.849.087.661
Thuế thu nhập cá nhân	5.815.585.666	6.905.167.305
TỔNG CỘNG	**49.291.574.331**	**43.661.820.641**

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

VNĐ

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Cổ tức phải trả	56.922.313.000	87.028.046.000
Phí hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát và quỹ khen thưởng vượt kế hoạch	11.525.135.395	6.489.363.178
Lãi vay	3.188.402.391	2.703.567.407
Bảo hiểm vật chất xe	3.177.225.138	2.191.795.181
Khác	2.393.035.213	2.346.478.600
TỔNG CỘNG	**77.206.111.137**	**100.759.250.366**

19. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

VNĐ

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Nhận ký quỹ từ tài xế taxi	108.067.973.200	92.699.278.000
Nhận ký quỹ từ khách hàng	30.146.983.669	23.826.554.176
Dự phòng trợ cấp thôi việc	5.000.000.000	2.000.000.000
Nhận ký quỹ tiền cho thuê mặt bằng	1.500.000.000	1.500.000.000
TỔNG CỘNG	**144.714.956.869**	**120.025.832.176**

20. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

VNĐ

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Vay dài hạn từ các ngân hàng *(i)*	617.657.471.173	406.905.718.066
Thuê tài chính *(ii)*	92.247.484.129	50.511.576.872
TỔNG CỘNG	**709.904.955.302**	**457.417.294.938**
Trong đó:		
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	*279.010.083.547*	*201.830.587.577*
+ Vay từ ngân hàng	*238.732.244.527*	*179.636.268.161*
+ Nợ thuê tài chính	*40.277.839.020*	*22.194.319.416*
Nợ dài hạn	*430.894.871.755*	*255.586.707.361*

20. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (tiếp theo)

(i) Vay dài hạn từ các ngân hàng

Công ty thực hiện các khoản vay dài hạn từ các ngân hàng để mua phương tiện vận tải cho việc kinh doanh dịch vụ taxi. Chi tiết các khoản vay dài hạn này được trình bày như sau:

	Số cuối năm					
Tên ngân hàng	*Vay dài hạn đến hạn trả (đến ngày 31/12/2015)*	*Vay dài hạn*	*Tổng cộng*	*Kỳ hạn thanh toán*	*Lãi suất*	*Hình thức đảm bảo*
	VNĐ	*VNĐ*	*VNĐ*		*(một năm)*	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	87.523.600.000	114.497.300.000	202.020.900.000	Từ ngày 3 tháng 1 năm 2015 đến ngày 20 tháng 1 năm 2018	Lãi suất cơ sở + biên độ tối thiểu từ 2,5% đến 5%	915 xe
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam)	78.232.586.355	146.058.079.804	224.290.666.159	Từ ngày 17 tháng 1 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018	Lãi suất cơ bản VNĐ ba tháng + biên độ từ 1,5% đến 2%	740 xe
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	72.976.058.172	118.369.846.842	191.345.905.014	Từ ngày 22 tháng 1 năm 2015 đến ngày 22 tháng 12 năm 2018	Lãi suất cơ bản + lãi biên từ - 0,4% đến 2,8%	691 xe
TỔNG CỘNG	**238.732.244.527**	**378.925.226.646**	**617.657.471.173**			

Lịch trả nợ các khoản vay dài hạn đến hạn trả như sau:

VNĐ

	2015				
Diễn giải	*Quý I*	*Quý II*	*Quý III*	*Quý IV*	*Tổng cộng*
Thanh toán	62.191.641.830	61.354.236.086	59.891.009.392	55.295.357.219	238.732.244.527

20. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (tiếp theo)

(ii) Thuê tài chính

Công ty hiện đang thuê phương tiện vận tải theo hợp đồng thuê tài chính với Công ty Cho thuê Tài chính Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được trình bày như sau:

VNĐ

	Số cuối năm			*Số đầu năm*		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	*Lãi thuê tài chính*	*Nợ gốc*	*Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính*	*Lãi thuê tài chính*	*Nợ gốc*
Dưới 1 năm	46.842.322.054	6.564.483.034	40.277.839.020	26.588.876.550	4.394.557.134	22.194.319.416
Từ 1 - 5 năm	56.894.290.194	4.924.645.085	51.969.645.109	31.101.518.028	2.784.260.572	28.317.257.456
TỔNG CỘNG	**103.736.612.248**	**11.489.128.119**	**92.247.484.129**	**57.690.394.578**	**7.178.817.706**	**50.511.576.872**